**CHUYÊN ĐỀ 7: KĨ NĂNG LÀM BÀI ĐỌC HIỂU**

**I. LÍ THUYẾT**

**1. Đọc hiểu văn bản là gì?**

- Là hoạt động tìm và giải mã ý nghĩa của một văn bản

- Trong đề thi thì đọc hiểu còn được hiểu là câu hỏi, dạng bài tập kiểm tra việc lĩnh hội các phương diện, hình thức, nội dung của văn bản.

**2. Cấu trúc của câu hỏi đọc hiểu văn bản**

- Bài tập phần đọc hiểu gồm 2 phần

\* Phần văn bản cần đọc hiểu ( Ngữ liệu)

+ Phong cách ngôn ngữ: Thơ, văn, báo chí, chính luận…..

+ Xuất xứ: Trong sách giáo khoa Ngữ văn, ngoài sgk

+ Nội dung: Rất đa dạng và phong phú

\* Câu hỏi đi kèm

+ Xác định kiểu văn bản: Phương thức biểu đạt

*Lưu ý cách hỏi: Đề thường hỏi phương thức biểu đạt chính*

+ Thể loại

+ Xác định các yếu tố liên quan đến hình thức của văn bản: Cách dùng từ, đặt câu, biện pháp tu từ, liên kết câu…..

+ Xác định nội dung của văn bản

+ Vận dụng hiểu biết xã hội để nêu suy nghĩ, quan điểm về vấn đề có liên quan.

**3. Các yêu cầu làm bài đọc hiểu**

- Yêu cầu:

+ Hình thức: Trả lời ngắn ngọn bằng ***các câu văn*** hoặc ***đoạn văn ngắn***

+ Nội dung: Đầy đủ thông tin, đúng trọng tâm

- Kiền thức, kĩ năng cần có Tài liệu của nhung tây

+ Kiến thức: Kiến thức của môn Ngữ văn, kiến thức xã hội

+ Kĩ năng: Giải thích từ ngữ, khái niệm - xác định chủ đề của văn bản - kĩ năng viết các đoạn văn nghị luận ngắn - năng lực cảm thụ ( Văn chương nghệ thuật)

**1. Xác định phương thức biểu đạt.**

- Tự sư: Có nhân vật, có đối thoại, có sự việc, có kết quả

- Nghị luận: Đưa ra quan điểm, luận cứ, lí lẽ, dẫn chứng

- Miêu tả: Sử dụng nhiều những từ ngữ gợi tả giúp người đọc người nghe tưởng tượng ra những hình ảnh, âm thanh….

- Thuyết minh: Cung cấp kiến thức về các bộ môn khoa học, đời sống

- Biểu cảm: thể hiện tình cảm, cảm xúc

- Hành chính:

Lưu ý: Khi ngữ liệu đọc hiểu là thơ -> thì phương thức biểu đạt thường là Biểu cảm

Khi ngữ liệu đọc hiểu là văn xuôi -> Thì thường là Nghị luận

**2. Xác định thể thơ**

- Phương pháp tìm ta chỉ cần đếm số câu, số chữ là biết được thể thơ

**II. Đặc điểm của kiểu bài đọc hiểu văn bản**

**Những kiểu câu hỏi thường sử dụng ở phần Đọc hiểu**

**- Ở dạng câu hỏi nhận biết:** Thường hỏi xác định phương thức biểu đạt, phong cách ngôn ngữ, tìm từ ngữ, hình ảnh, xác định cách trình bày văn bản…

**- Ở dạng câu hỏi hiểu:** Thường hỏi học sinh hiểu như thế nào về một câu nói trong văn bản; hỏi theo học sinh thì vì sao tác giả lại cho rằng, nói rằng…(kiểu hỏi này là để xem học sinh và tác giả có đồng quan điểm hay không); Kiểu câu hỏi theo tác giả… Ba kiểu hỏi này thường lặp đi lặp lại.

**- Ở dạng câu hỏi vận dụng:** Thường yêu cầu học sinh rút ra thông điệp có ý nghĩa, điều tâm đắc hoặc chỉ ra những việc làm cụ thể của bản thân.

**Các bước khi làm phần đọc – hiểu**

**Bước 1:** Đọc thật kỹ đề bài, đọc đến thuộc lòng rồi hãy làm từng câu, dễ trước khó sau.

- Đề văn theo hướng đổi mới có 2 phần: đọc hiểu và làm văn. Phần đọc hiểu thường xoay quanh nhiều vấn đề, thí sinh cần nắm vững những kiến thức cơ bản sau:

- Nhận biết 6 phong cách ngôn ngữ văn bản. Dựa ngay vào các xuất xứ ghi dưới phần trích của đề bài để nhận dạng được các phong cách như: Báo chí, Văn chương nghệ thuật, Khoa học, Chính luận, Khẩu ngữ hay Hành chính công vụ. Tài liệu của nhung tây

- Xác định 5 phương thức biểu đạt của văn bản dựa vào các từ ngữ hay cách trình bày. Đoạn trích thấy có sự việc diễn biến (Tự sự), nhiều từ biểu lộ xúc động (Biểu cảm), nhiều từ khen chê, bộc lộ thái độ (Nghị luận), nhiều từ thuyết trình, giới thiệu về đối tượng (Thuyết minh) và có nhiều từ láy, từ gợi tả sự vật, sự việc (Miêu tả).

- Nhận biết các phép tu từ từ vựng (so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, lặp từ, nói quá, nói giảm, chơi chữ…); tu từ cú pháp (lặp cấu trúc câu, giống kiểu câu trước; đảo ngữ; câu hỏi tu từ; liệt kê). Tài liệu của nhung tây

- Các biện pháp tu từ có tác dụng làm rõ đối tượng nói đến, tăng thêm gợi cảm, gợi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, làm đối tượng hấp dẫn, sâu sắc.

- Đối với, các văn bản trong đề chưa thấy bao giờ, học sinh cần đọc nhiều lần để hiểu từng câu, từng từ, hiểu nghĩa và biểu tượng qua cách trình bày văn bản, liên kết câu, cách ngắt dòng… để có thể trả lời những câu hỏi: Nội dung chính của văn bản, tư tưởng của tác giả gửi gắm trong văn bản.,thông điệp rút ra từ văn bản…

**Bước 2:** Đọc các yêu cầu, gạch chân các từ ngữ quan trọng, câu quan trọng. Việc làm này giúp các em lí giải được yêu cầu của dề bài và xác định hướng đi đúng cho bài làm, tránh lan man, lạc đề.

**Bước 3:** Luôn đặt câu hỏi và tìm cách trả lời: Ai? Cái gì? Là gì? Như thế nào? Kiến thức nào? Để bài làm được trọn vẹn hơn, khoa học hơn tránh trường hợp trả lời thiếu.

**Bước 4**: Trả lời tách bạch các câu, các ý. Chọn từ ngữ, viết câu và viết cẩn thận từng chữ.

**Bước 5:** Đọc lại và sửa chữa chuẩn xác từng câu trả lời. Không bỏ trống câu nào, dòng nào. Tài liệu của nhung tây

**\*Một số lưu ý trong quá trình làm bài**

- Viết đúng từ ngữ, trình bày rõ ràng, đúng chính tả, dấu câu, không viết dài.

- Chỉ dùng thời gian khoảng 30 phút làm câu hỏi đọc hiểu. Trả lời đúng câu hỏi của đề.

Làm trọn vẹn từng câu, không bỏ ý, không viết vội vàng để giành chắc chắn từng 0

**Mẹo làm bài đọc hiểu**

**A. Phần đọc hiểu**

- Đề bài người ta thường đưa một khổ thơ hoặc một đoạn và yêu cầu học sinh đọc và trả lời các câu hỏi. Tài liệu của nhung tây

- Các câu hỏi thường gặp:

- Xác định thể thơ/ Xác định phong các ngôn ngữ của đoạn trích

- Nội dung chính của khổ thơ/ đoạn trích là gì? (Câu chủ đề của đoạn trích là gì – với đoạn văn)

- Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng chủ yếu trong khổ thơ/ đoạn trích? Tác dụng của chúng?

**2. Giải quyết đề**

**a. Là đoạn thơ**

- Câu hỏi 1:

+ Xác định thể thơ bằng cách **đếm số chữ** trong từng câu thơ. Thông thường trong bài người ra đề sẽ cho vào các thể thơ **bốn chữ/ năm chữ/ bảy chữ/ lục bát**

+ Các thể thơ trung đại như ***thất ngôn bát cú (7 chữ/ câu, 8 câu/bài), thất ngôn tứ tuyệt (7 chữ/ câu, 4 câu/ bài)*…** xác định bằng cách **đếm số chữ trong một câu và số câu trong một bài.** (Các thể thơ thuộc giai đoạn trung đại trong đề thường ít cho nhưng phải nắm được cách xác định)

- Câu hỏi 2: Đưa nội dung chính của khổ thơ, tức là dụng ý cuối cùng của tác giả.

Ví dụ:

*Dữ dội và dịu êm*

*Ồn ào và lặng lẽ*

*Sông không hiểu nổi mình*

*Sóng tìm ra tận bể….*

=> Nội dung: Trạng thái của con sóng và các cung bậc cảm xúc của tình yêu trong trái tim người con gái đang yêu.

- Câu 3: phân tích khổ thơ như bình thường, tức là đi từ nghệ thuật đến nội dung của khổ thơ. Xác định nội dung khổ thơ theo trình tự sau: ***Lớp nghĩa trên bề mặt (diễn xuôi câu thơ) -> liên tưởng, tưởng tượng (các hình ảnh thơ trong câu thơ) -> Dụng ý của tác giả***

**2. Là đoạn văn**

- Câu 1 (Thường là xác định phong cách ngôn ngữ/ Phương thức biểu đạt/Thao tác lập luận của đoạn trích):

***\* Có một số loại phong cách ngôn ngữ cơ bản sau:***

**a. Khẩu ngữ (Sinh hoạt)**: được sử dụng trong **cuộc sống hàng ngày**, là ngôn ngữ sinh hoạt đời thường với ba hình thức chủ yêu là **trò chuyện, nhật kí, thư từ**; tồn tại chủ yếu dưới dạng **nói.**

**Các đặc điểm ngôn ngữ:**

+ Mang đậm dấu ấn **cá nhân**

+ Dùng những từ ngữ mang tính **cụ thể, giàu hình ảnh** và **cảm xúc**.

+ Những từ ngữ chỉ **nhu cầu** về vật chất và tinh thần thông thường (ăn, ở, đi lại, vui chơi, giải trí,…) chiếm tỉ lệ lớn

=> Một số hiện tượng nổi bật: lớp từ ngữ chỉ tồn tại trong phong cách này như tiếng tục, tiếng lóng,… sử dụng nhiều từ láy, đặc biệt là các từ láy tư (đỏng đa đỏng đảnh, hậu đà hậu đậu, tầm bậy tầm bạ,….) dùng cách nói tắt (hihu, …) sử dụng kết hợp từ không có quy tắc (xấu điên xấu đảo, xấu như con gấu,…) Tài liệu của nhung tây

+ Thường sử dụng **câu đơn**, đặc biệt là những câu cảm thán, câu chào hỏi…

+ Kết cấu trong câu có thể tỉnh **lược tối đa** hoặc **dài dòng**, lủng củng .

**b. Khoa học:** dùng trong **nghiên cứu, học tập** với ba hình thức **chuyên sâu, giáo khoa và phổ cập**; tồn tại chủ yếu dưới dạng **viết**.

**Các đặc điểm ngôn ngữ:**

+ Sử dụng **nhiều** và **chính xác** các thuật ngữ khoa học.

+ Sử dụng các từ ngữ **trừu tượng**, **không** biểu lộ cảm xúc **cá nhân**.

+ Các **đại từ** ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất với ý nghĩa **khái quát** được sử dụng nhiều như người ta, chúng ta, chúng tôi…

+ Câu **hoàn chỉnh**, cú pháp câu rõ ràng, chỉ có **một cách hiểu**.

+ Câu **ghép điều kiện – kết quả** thường được sử dụng phổ biến trong phong cách ngôn ngữ này, chứa nhiều lập luận khoa học và khả năng logic của hệ thống.

+ Thường sử dụng những cấu trúc **khuyết chủ ngữ** hoặc chủ ngữ không xác định (vì hướng tới nhiều đối tượng chứ không bó hẹp trong phạm vi một đối tượng)

**c. Báo chí:** sử dụng trong lĩnh vực báo chí với ba dạng tồn tại chủ yếu dạng nói (đài phát thanh), dạng hình – nói (thời sự), dạng viết (báo giấy).

**Các đặc điểm ngôn ngữ:**

+ Từ ngữ có tính toàn dân, thông dụng

+ Từ có màu sắc biểu cảm, cảm xúc: giật tít trên các báo mạng, báo lá cải

+ Sử dụng nhiều từ có màu sắc trang trọng hoặc lớp từ ngữ riêng của phong cách báo chí.

**d. Chính luận:** Dùng trong các lĩnh vực **chính trị xã hội** (thông báo, tác động, chứng minh)

**Các đặc điểm ngôn ngữ:**

+ Lập luận chặt chẽ, lí lẽ hùng hồn, dẫn chứng xác thực để tỏ rõ quan điểm, lập trường của cá nhân. Tài liệu của nhung tây

+ Sử dụng **đa dạng** các loại câu: đơn, ghép, tường thuật, nghi vấn, cảm thán…

+ Câu văn thường **dài**, chia làm **tầng bậc** làm tư tưởng nêu ra được chặt chẽ

+ Sử dụng **lối nói trùng điệp**, cách so **sánh giàu tính liên tưởng** và **tương phản** để nhấn mạnh vào thông tin người viết cung cấp

**e. Hành chính:** Sử dụng trong giao tiếp hành chính (nhà nước – nhân dân, nhân dân với các cơ quan nhà nước…)

**Các đặc điểm ngôn ngữ:**

+ Lớp **từ ngữ hành chính** mang nét riêng, nghiêm chỉnh, có thể chế của sự diễn đạt hành chính

+ Dùng những từ ngữ **chính xác** về nội dung, không sử dụng những từ thể hiện cảm xúc cá nhân

+ Từ **Hán Việt** chiếm tỉ lệ lớn.

+ Sử dụng câu **trần thuật** là chủ yếu, chỉ có một nghĩa

**f. Văn chương (Bao gồm các thể loại văn học: nghị luận, trào phúng, kịch, văn xuôi (lãng mạn, hiện thực), kí, tùy bút…)**

**Các đặc điểm ngôn ngữ:**

+ Các yếu tố âm thanh, vần, điệu, tiết tấu được **vận dụng** một cách đầy nghệ thuật

+ Sử dụng rất **đa dạng** các loại từ cả từ phổ thông và địa phương, biệt ngữ => độc đáo của phong cách ngôn ngữ văn chương: Mỗi thể loại văn có một phong cách khác nhau và mỗi tác giả có phong cách nghệ thuật khác nhau. Tài liệu của nhung tây

+ Cấu trúc câu được sử dụng là hầu hết **các loại câu**, sự sáng tạo trong các cấu trúc câu thường dựa vào khả năng của người nghệ sĩ.

***Xác định phong cách ngôn ngữ văn học dựa trên các đặc điểm ngôn ngữ của chúng. Tránh tình trạng nhầm lẫn giữa các phong cách với nhau.***

***Mẹo:*** Thông thường khi cho một đoạn trích người ra đề sẽ cho biết **nguồn trích dẫn** của đoạn trích ở đâu. Học sinh có thể dựa vào đó để xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích.

***\* Phương thức biểu đạt***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phương thức** | **Khái niệm** | **Dấu hiệu nhận biết** |
|    1 |  Tự sự | - Dùng ngôn ngữ để kể lại một hoặc một chuỗi các sự kiện, có mở đầu -> kết thúc- Ngoài ra còn dùng để khắc họa nhân vật (tính cách, tâm lí...) hoặc quá trình nhận thức của con người | - Có sự kiện, cốt truyện- Có diễn biến câu chuyện- Có nhân vật- Có các câu trần thuật/đối thoại |
|  2 | Miêu tả | Dùng ngôn ngữ để tái hiện lại những đặc điểm, tính chất, nội tâm của người, sự vật, hiện tượng | - Các câu văn miêu tả- Từ ngữ sử dụng chủ yếu là ***tính từ*** |
|  3 | Biểu cảm | Dùng ngôn ngữ bộc lộ cảm xúc, thái độ về thế giới xung quanh | - Câu thơ, văn bộc lộ cảm xúc của người viết- Có các ***từ ngữ*** thể hiện ***cảm xúc***: ơi, ôi.... |
|   4 | Thuyết minh | Trình bày, giới thiệu các thông tin, hiểu biết, đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng | - Các câu văn miêu tả đặc điểm, tính chất của đối tượng- Có thể là những số liệu chứng minh |
|    5 | Nghị luận | Bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình | - Có vấn đề nghị luận và quan điểm của người viết- Từ ngữ thường mang tính khái quát cao (nêu chân lí, quy luật)- Sử dụng các thao tác: lập luận, giải thích, chứng minh |
|   6 | Hành chính - công vụ | Là phương thức giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí. Tài liệu của nhung tây | - Hợp đồng, hóa đơn...- Đơn từ, chứng chỉ...*(Phương thức và phong cách hành chính công vụ thường không xuất hiện trong bài đọc hiểu)* |

\* **Thao tác lập luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thao tác lập luận** | **Khái niệm** |
| 1 | Giải thích | Dùng lí lẽ để cắt nghĩa, giảng giải sự vật, hiện tượng, khái niệm |
| 2 | Phân tích | Chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố có tính hệ thống để xem xét đối tượng toàn diện. Tài liệu của nhung tây |
| 3 | Chứng minh | Dùng dẫn chứng xác thực, khoa học để làm rõ đối tượngDẫn chứng thường phong phú, đa dạng trên nhiều phương diện |
| 4 | So sánh | Đặt đối tượng trong mối tương quan, cái nhìn đối sánh để thấy đặc điểm, tính chất của nó |
| 5 | Bình luận | Đưa ra nhận xét, đánh giá, bàn bạc của cá nhân về một vấn đề. Tài liệu của nhung tây |
| 6 | Bác bỏ | Trao đổi, tranh luận để bác bỏ những ý kiến sai lệch |

- Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích thường là câu **mở đầu** (viết theo lối **diễn dịch**) hoặc câu **kết thúc** (viết theo lối **quy nạp**) – khi đề bài yêu cầu xác định câu chủ đề.

Trong trường hợp họ yêu cầu xác định nội dung chính của đoạn trích tức là kiểm tra khả năng phân tích, tổng hợp và khái quát của học sinh nên học sinh cần phải **khái quát nội dung bằng ngôn ngữ của mình.**

***Mẹo***: Lớp từ ngữ nào **xuất hiện nhiều** nhất trong bài chắc chắn nội dung của đoạn trích sẽ **theo chiều hướng** của lớp từ ấy. Chẳng hạn lớp từ ngữ tiêu cực khi nói tới một hiện tượng xã hội => Nội dung chính của đoạn trích sẽ là: tác hại của…

- Câu 3: Xác định biện pháp nghệ thuật trong đoạn trích

+ Nếu là một đoạn trích trong tác phẩm văn học => phân tích nó giống như phân tích tác phẩm (yêu cầu học sinh nắm được bài) Tài liệu của nhung tây

+ Nếu là đoạn trích từ các bài viết trên báo hoặc các hình thức khác thì có một số biện pháp nghệ thuật chủ yếu sau: liệt kê; lặp cấu trúc, từ ngữ; chứng minh (đưa các dẫn chứng cụ thể); đối lập (nội dung câu trước với câu sau); tăng tiến (mức độ tăng dần từ câu trước đến câu sau)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kiến thức** | **Khái niệm** | **Ví dụ** |
| 1 | Từ đơn | Là từ chỉ có một tiếng | Nhà, bàn, ghế,… |
| 2 | Từ phức | Là từ có từ hai tiếng trở lên | Nhà cửa, hợp tác xã,… |
| 3 | Từ ghép | Là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau | Quần áo, ăn uống, chợ búa…. |
| 4 | Từ láy | Là những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng | Long lanh, âm ỉ… |
| 5 | Thành ngữ | Loại từ có cấu tạo cố định, có vai trò như một từ | Có chí thì nên, kiến bò miệng chén |
| 6 | Tục ngữ | Những câu nói tổng kết kinh nghiệm dân gian | Ngựa non háu đá; chó treo, mèo đậy… |
| 7 | Nghĩa của từ | Là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ…) mà từ biểu thị | Bàn, ghế, văn, toán… |
| 8 | Từ nhiều nghĩa | là từ mang những sắc thái ý nghĩa khác nhau do hiện tượng chuyển nghĩa của từ mang lại | **Lá phổi** của thành phố |
| 9 | Hiện tượng chuyển nghĩa của từ | Là hiện tượng tạo ra thêm nghĩa mới cho một từ đã có trước đó tạo ra từ nhiều nghĩa (nghĩa gốc (đen) -> nghĩa chuyển (bóng)) | Bà em đã 70 **xuân** |
| 10 | Từ đồng âm | Là những từ có cách phát âm giống nhau nhưng không liên quan tới nhau về mặt ngữ nghĩa | Con ngựa **đá** con ngựa **đá**Tài liệu của nhung tây |
| 11 | Từ đồng nghĩa | Là những từ có nghĩa giống hoặc gần giống nhau | Heo – lợn, ngô – bắp, chết – hi sinh…. |
| 12 | Từ trái nghĩa  | Là những từ có ý nghĩa trái ngược nhau | Béo – gầy, chăm – lười, xinh – xấu… |
| 13 | Từ Hán Việt | Là những từ gốc Hán được phát âm theo cách của người Việt | Phi cơ, hỏa xa, biên cương, viễn xứ… |
| 14 | Từ tượng hình | Là những từ gợi tả hình dáng, dáng vẻ, trạng thái của sự vật | Lom khom, mập mạp, gầy gò…Tài liệu của nhung tây |
| 15 | Từ tượng thanh | Là những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người | Khúc khích, xào xạc, rì rầm… |
|   16 |   Ẩn dụ | Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi tả cho sự diễn đạt | Uống nước nhớ nguồn; ***Mặt trời*** của bắp thì nằm trên đồi – ***Mặt trời*** của mẹ em nằm trên lưng….Tài liệu của nhung tây |
|   17 |   Nhân hóa | Là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật…bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người làm cho thế giới loài vật trở nên gần gũi với con người | Trâu ơi ta bảo trâu nàyTrâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta….  |
|   18 |   Nói quá | Là biện pháp phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm | Nở từng khúc ruột; một giọt máu đào hơn ao nước lã…. Tài liệu của nhung tây |
|   19 |   Nói giảm nói tránh | Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị uyển chuyển để tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự | Bác đã đi về theo tổ tiênMac, Lê nin thế giới người hiền |
|   20 |   Liệt kê | Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt loại từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế, tư tưởng, tình cảm | Chiều chiều lại nhớ chiều chiềuNhớ người thục nữ khăn điều vắt vai |
|   21 |   Điệp ngữ | Biện pháp lặp lại từ ngữ (hoặc cả câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh | Không có kính rồi xe không có đènKhông có mui xe thùng xe có xước… |
| 22 | Chơi chữ | Lợi dụng những đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước…làm câu văn hấp dẫn hơn | Con mèo cái nằm trên mái kèo… |

**Cách mở bài nghị luận văn học**

**I. Cấu trúc của một mở bài**

- Dẫn dắt vấn đề: Đi từ vấn đề liên quan (một câu nói, ý kiến, nhận định…) để dẫn người đọc, người nghe vào vấn đề bàn luận hay tình huống có vấn đề đặt ra ở đề bài.

- Nêu vấn đề: Nêu vấn đề một cách ngắn gọn, chú ý nêu đúng vấn đề đặt ra trong đề bài và phải nêu một cách khái quát.

-Giới hạn vấn đề: Nêu được phạm vi bàn luận (1 đề tài, 1 tác phẩm hay nhiều tác phẩm, 1 đoạn/khổ trong tác phẩm...)

- Nhận định về tầm quan trọng của vấn đề, ý nghĩa của vấn đề đối với cuộc sống, xã hội (không nhất thiết phải có, tùy thuộc vào từng nội dung).

**II. Làm thế nào để có một một mở bài hay?**

Để có một bài hay, người viết cần tuân thủ các yêu cầu sau:

1. Ngắn gọn (khoảng 3 đến 4 câu văn): Mở bài cần ngắn gọn, tránh dài dòng, lan man dễ gây lạc đề.

2. Đầy đủ: Nêu được vấn đề cần nghị luận; phạm vi tư liệu, thao tác nghị luận chính.

3. Độc đáo: Tạo ra sự chú ý cho người đọc về vấn đề cần nghị luận bằng những liên tưởng khác lạ, hoặc dẫn dắt những câu trích dẫn ý nghĩa.

4. Tự nhiên: Ngôn từ giản dị, mộc mạc, tránh sáo rỗng, tránh gượng ép.

**III. Các cách mở bài nghị luận văn học**

**1. Nêu phản đề**

- Tạo ra tình huống đối lập, tương phản với vấn đề được nêu ra trong mở bài.

- Ví dụ: Khi nhận xét về Tây Tiến của Quang Dũng, có nhà phê bình văn học đã đánh giá tác phẩm mang cái “buồn rớt, mộng rớt” của giai cấp tiểu tư sản. Điều đó còn mang cái nhìn chủ quan, phiến diện một thời. Ở khổ thơ thứ ba, Quang Dũng đã cho người đọc cảm nhận được về hình ảnh người lính hiện lên với vẻ đẹp bi tráng, hào hùng.

**2. So sánh**

- Đối chiếu hai hay nhiều đối tượng với nhau, giúp cho người đọc thấy được bản chất của vấn đề được đề cập đến trong tương quan với đối tượng khác.

- Ví dụ:

Thơ ca Việt Nam ba mươi năm chiến tranh là một dàn hợp xướng những khúc ca, giai điệu ngọt ngào về đất nước. Ta không thể nào quên một “đất nước hình tia chớp” trong thơ Trần Mạnh Hảo hay một đất nước như “bà mẹ sớm chiều gánh nặng nhẫn nại nuôi con một đời im lặng” trong thơ Tố Hữu. Nhắc đến đề tài Đất nước trong văn học cách mạng sẽ thật là không đầy đủ nếu như ta không nhắc đến Đất nước trích trong chương V của Trường ca mặt đường khát vọng với tư tưởng nhân văn tiến bộ: “Đất nước của nhân dân”.

**3. Từ đề tài**

- Mỗi tác phẩm văn học đều thuộc một mảng đề tài nhất định. Việc dẫn dắt từ đề tài sẽ giúp cho người đọc có cái nhìn khái quát đến cụ thể về tác phẩm.

- Đề tài là phạm vị hiện thực được phản ánh trong tác phẩm (Ví dụ: Truyện ngắn Lão Hạc, Chí Phèo của Nam Cao thuộc mảng đề tài viết về người nông dân).

- Ví dụ: Từ trước đến nay, tình yêu luôn là thứ không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người. Xuân Diệu đã từng viết:

*“Làm sao sống được mà ko yêu
Không nhớ không thương một kẻ nào”*

(*Bài thơ tuổi nhỏ, Xuân Diệu)*

Đó cũng là lý do tình yêu được đưa rất nhiều vào trong thơ ca và nghệ thuật, trở thành nguồn cảm hứng bất tận với nhiều thi nhân. Nổi bật trong đó là Xuân Quỳnh với bài thơ “Sóng”. Tác phẩm đã gợi cho người đọc những cảm nhận thật tinh tế về vẻ đẹp tâm hồn của người con gái trong tình yêu.

**4. Từ chủ đề**

- Chủ đề là nội dung chính được tác giả gửi gắm trong tác phẩm.

- Ví dụ: Nguyễn Trung Thành với tác phẩm Rừng xà nu đã thông qua câu chuyện về những con người ở một bản làng hẻo lánh để đặt ra một vấn đề lớn lao của dân tộc. Để cho sự sống của đất nước và nhân dân mãi trường tồn, không có cách nào khác là phải cùng nhau đứng lên, cầm vũ khí chống lại kẻ thù. Tác phẩm chính là bản anh hùng ca của mảnh đất Tây Nguyên anh hùng.

**5. Từ nhân vật hoặc hình tượng trung tâm**

- Hình tượng trung tâm có thể là nhân vật chính, hay một hình tượng được nhà văn xây dựng.

- Ví dụ: Ai đã từng một lần “rụt rè núp dưới nón mẹ trong lần đầu tiên đi đến trường với lòng tưng bừng rộn rã giữa một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh? Tuổi bé thơ đã đi qua mấy năm rồi, nhưng đâu dễ quên? Và những ai đó lần đầu tiên được đi học “Bình dân học vụ” sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, hạnh phúc biết bao được “sáng mắt sáng lòng!” Có thể nói, phần đông trong chúng ta, ai cũng lưu giữ trong tâm hồn mình hình ảnh tuyệt đẹp về một người thầy mà không bao giờ có thể phai mờ được. “Các em cứ gọi ta là thầy, các em có muốn xem trường không? Vào đây, các em đừng ngại gì cả...?”
Đó là tiếng nói của thầy Đuy-sen, một Đoàn viên Thanh niên Cộng sản, với trái tim yêu thương mênh mông, với nhiệt tình say mê đã đem ánh sáng Cách mạng tháng Mười Nga đến với tuổi thơ miền núi hẻo lánh xa xôi.

**6. Từ giai đoạn văn học hoặc hoàn cảnh sáng tác**

- Mỗi thời kì lịch sử đều có bối cảnh xã hội, lịch sử khác nhau có ảnh hưởng đến nội dung của từng tác phẩm. Mỗi giai đoạn chi phối đến nhà văn, bạn đọc và tác phẩm.

- Đồng thời, mỗi tác phẩm văn học thường sẽ có hoàn cảnh sáng tác riêng.

- Ví dụ:

*Hôm nay sáng mồng hai tháng chín
Thủ đô hoa, vàng nắng Ba Đình
Muôn triệu tim chờ... chim cũng nín
Bỗng vang lên tiếng hát ân tình”*

*(Theo chân Bác, Tố Hữu)*

Đó là sáng mùa thu lịch sử Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Văn chính luận của Người nói chung, “Tuyên ngôn độc lập” của Người nói riêng thể hiện một tư duy sắc sảo, một ngòi bút giàu tính luận chiến và tài nghệ lập luận kiệt xuất của Hồ Chí Minh.

**7. Từ tác giả**

- Tác giả có vai trò quan trọng đối với mỗi tác phẩm - những đứa con tinh thần của nhà văn. Muốn mở bài đi từ tác giả cần nhớ được phong cách sáng tác của tác giả.

- Ví dụ: Nhà văn Nguyên Ngọc đã đánh giá “Nguyễn Minh Châu là cây bút mở đường tinh anh và tài năng nhất”. Các sáng tác của ông đều thể hiện được những quan niệm mới mẻ về cuộc sống. Trong số đó có truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” được in trong tập truyện ngắn cùng tên, xuất bản năm 1987. Truyện đã mang một bài học đúng đắn về cách nhìn nhận cuộc sống và con người: một cái nhìn đa diện, nhiều chiều, phát hiện ra bản chất thật sau vẻ đẹp bên ngoài của hiện tượng.

**8. Từ thể loại**

- Mỗi tác phẩm đều thuộc một thể loại văn học (thơ, truyện ngắn…) với những đặc trưng khác nhau. Học sinh cần nắm rõ nội dung của tác phẩm (thuộc thơ, đọc tác phẩm) để nắm rõ thể loại.

- Ví dụ:

“Ai đã đặt tên cho dòng sông?” là bài bút kí đặc sắc của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Bằng những tình cảm chân thành, sâu nặng với xứ Huế, tác giả đã lột tả trọn vẹn vẻ đẹp và linh hồn của dòng sông Hương - con sông mang dáng hình và dấu ấn của xứ Huế mộng mơ. Tác phẩm đã thể hiện được phong cách của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường.

**IV. Một số công thức mở bài nghị luận văn học**

**Công thức số 1:** Thời gian là một một vòng tuần hoàn vô tận. Vạn vật dường như không thể bất biến với thời gian. Nhưng những gì là văn, thơ thì vẫn luôn còn nguyên vẹn giá trị. Tác phẩm B của nhà văn/nhà thơ A là một trong số đó.

**Công thức số 2:** Đề tài C vốn rất phổ biến trong nền văn học Việt Nam. Nổi bật trong đó là nhà văn/nhà thơ A, với tác phẩm B. Tác phẩm đã gợi cho người đọc những ấn tượng sâu sắc về (vấn đề cần nghị luận).

**Công thức số 3:** Văn học chính là cầu nối giữa quá khứ và hiện tại. Một tác phẩm văn học lưu giữ những dấu ấn của thời đại. Tất cả những giá trị vĩnh cửu đó đã thăng hoa cùng ngòi bút của nhà văn/nhà thơ A để tác phẩm B ra đời. Nổi bật trong đó là đoạn trích/nhân vật…

**Công thức số 4:** Hiện thực chắp cánh để văn học thăng hoa. Mỗi tác phẩm xuất phát từ hiện thực đều gửi gắm tư tưởng nhân văn cao đẹp. Chính vì vậy, bức tranh hiện thực trong tác phẩm B của nhà văn/nhà thơ A đã gây ấn tượng đặc biệt sâu sắc trong lòng bạn đọc.

**Công thức số 5:** Một tác phẩm hay gửi gắm nhiều giá trị sâu sắc. Và tác phẩm B của nhà văn A chính là một trong số đó. Tác phẩm đã giúp người đọc hiểu rõ hơn về (vấn đề nghị luận).

**Công thức số 6:** Để xây dựng được một tác phẩm hay có sức lay động đến sâu thẳm trái tim con người là điều vô cùng khó khăn. Thế nhưng, nhà văn/nhà thơ A đã làm được điều đó qua tác phẩm B, với dấu ấn sâu sắc trong lòng người đọc.

**Công thức số 7:** Tác phẩm B của nhà văn/nhà thơ A được coi là một trong những kiệt tác của nền văn học giai đoạn C. Yếu tố quan trọng để góp phần làm nên tác phẩm này chính là việc nhà văn/nhà thơ A đã xây dựng thành công (vấn đề cần nghị luận).

**Công thức số 8:** Nhà văn A là một cây bút chuyên về (thể loại văn học). Tác giả đã rất thành công ở các tác phẩm khai thác đề tài C. Một trong những tác phẩm tiêu biểu là tác phẩm B. Tác phẩm khắc họa/xây dựng thành công (vấn đề nghị luận).

**Cách mở bài nghị luận xã hội**

**I. Hướng dẫn cách mở bài nghị luận xã hội**

- Phần mở bài trong một bài văn nghị luận xã hội có vai trò gợi mở, định hướng vấn đề. Có hai cách mở bài:

- Trực tiếp: Đi thẳng vào vấn đề cần nghị luận. Khi mở bài trực tiếp cần phải tập trung vào vấn đề nghị luận, tránh lan man.

- Gián tiếp: Từ vấn đề liên quan dẫn dắt đến vấn đề cần nghị luận. Khi mở bài gián tiếp cần phải tạo được sự hấp dẫn, linh hoạt. Có thể mở bài gián tiếp bằng cách dẫn dắt từ một câu nói, ý kiến, nhận định để đi đến vấn đề cần nghị luận.

- Cấu trúc của mở bài gồm có các phần:

- Dẫn dắt vấn đề: Đi từ vấn đề liên quan (một câu nói, ý kiến, nhận định…) để dẫn người đọc, người nghe vào vấn đề bàn luận hay tình huống có vấn đề đặt ra ở đề bài.

- Nêu vấn đề: Nêu vấn đề một cách ngắn gọn, chú ý nêu đúng vấn đề đặt ra trong đề bài và phải nêu một cách khái quát.

- Nhận định về tầm quan trọng của vấn đề, ý nghĩa của vấn đề đối với cuộc sống, xã hội (không nhất thiết phải có, tùy thuộc vào từng nội dung).

**II. Làm thế nào để có một một mở bài hay?**

Để có một bài hay, người viết cần tuân thủ các yêu cầu sau:

1. Ngắn gọn (khoảng 3 đến 4 câu văn): Mở bài cần ngắn gọn, tránh dài dòng, lan man dễ gây lạc đề.

2. Đầy đủ: Nêu được vấn đề cần nghị luận; phạm vi tư liệu, thao tác nghị luận chính.

3. Độc đáo: Tạo ra sự chú ý cho người đọc về vấn đề cần nghị luận bằng những liên tưởng khác lạ, hoặc dẫn dắt những câu trích dẫn ý nghĩa.

4. Tự nhiên: Ngôn từ giản dị, mộc mạc, tránh sáo rỗng, tránh gượng ép.

**III. Một số ví dụ về cách mở bài nghị luận xã hội**

**Mẫu 1:** Cuộc sống chính là một bức tranh nhiều màu sắc. Mỗi người sẽ tự điểm tô lên đó những gam màu khắc nhau. Một trong những gam màu có ý nghĩa nhất đó chính là (nội dung vấn đề cần nghị luận - ví dụ: tình yêu thương, lòng nhân ái, niềm tin…)

**Mẫu 2:** Thời gian vẫn đi qua và bốn mùa luôn luân chuyển. Nhưng những giá trị chân chính vẫn luôn tồn tại giữa cuộc sống muôn màu, muôn vẻ này. Khi nhắc đến những giá trị tốt đẹp đó, chúng ta không thể không nhắc đến (nội dung cần nghị luận - ví dụ: sự đồng cảm và chia sẻ, sự tử tế…)

**Mẫu 3:** Cuộc đời của con người giống như một cuốn nhật ký. Mỗi ngày chúng ta lại viết nên những trang giấy nhiều điều: có niềm vui, cũng có nỗi buồn, có thành công, cũng có thất bại. Trên hành trình để hoàn thiện cuốn nhật kí cho riêng mình, chúng ta cần phải có được (nội dung nghị luận). Để rồi đến khi khép trang nhật kí lại, mỗi người đều cảm thấy mãn nguyện, tự hào.

**Mẫu 4:** Mỗi người sinh ra được thượng đế ban tặng cho trí tuệ để suy nghĩ và một trái tim để cảm nhận yêu thương. Chúng ta sẽ tạo ra cho bản thân những giá trị nhất định, một trong số đó là (nội dung vấn đề nghị luận) để cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

**Mẫu 5:** Cuộc sống là một chặng hành trình dài. Mà ở đó mỗi người sẽ tự viết lên những trang sách khác nhau. Và trên hành trình đó, chúng ta cần phải có được (vấn đề nghị luận) để cuộc sống ngày càng tươi đẹp hơn.

**Mẫu 6:** Thời gian là vô hạn, còn đời người là hữu hạn. Chính vì vậy, những triết lí sống của cuộc đời là điều mà con người luôn theo đuổi. Và (vấn đề nghị luận) là một trong số đó.

**Mẫu 7:** Trong vũ trụ rộng lớn, sự tồn tại của con người là vô cùng nhỏ bé. Dù vậy, sự tồn tại đó là một phần tất yếu. Vậy, chúng ta cần làm thế nào để cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Điều đó đã được gửi gắm qua câu…

**Mẫu 8:** Cuộc sống là một bức tranh muôn màu. Mỗi người sinh ra đều có một số phận cho riêng mình. Bởi vậy, chúng ta cần cố gắng sống sao cho tốt đẹp. Và câu nói… đã đem đến một bài học quý giá.

**Mẫu 9:** Con đường đến đích thành công phải trải qua nhiều khó khăn thử thách, nhưng để có thể vượt qua mọi khó khăn, chúng ta phải có sự đam mê và nỗ lực tự thân. Khi đọc được câu nói …*,* tôi cảm thấy điều đó thực sự ý nghĩa.

**Mẫu 10:** Trong cuộc sống, mỗi một con người được sinh ra đều mang trong mình những giá trị nhất định. Chúng ta cần phải nỗ lực hết mình để khẳng định bản thân. Và (vấn đề nghị luận) là vô cùng cần thiết trong hành trình đó.

**Mẫu 11:** Cuộc sống là một mảnh ghép muôn màu. Bên cạnh gam màu rực rỡ, là gam màu trầm lặng. Nhưng không vì vậy mà chúng ta đánh mất mọi thứ. Mỗi người đều mang một sứ mệnh riêng. Mảnh ghép nào cũng đáng trân trọng. Và (vấn đề nghị luận) là một yếu tố để làm nên chúng ta.

**Mẫu 12:** Xukhôm linxki đã từng nói: “Con người sinh ra không phải để tan biến đi như một hạt cát vô danh. Họ sinh ra để lưu lại dấu ấn trên mặt đất, trong trái tim người khác”. Thật vậy, mỗi con người sống đều phải tạo ra cho mình những giá trị riêng thật tốt đẹp. Và (vấn đề cần nghị luận) chính là một trong yếu tố để chúng ta làm nên điều đó.

**Mẫu 13:** Cuộc sống là một bản nhạc, có trầm có bổng. Dù vậy, con người cũng cần có được (vấn đề cần nghị luận) để tiếp tục bước đi trên con đường của mình. Đến cuối con đường, chúng ta sẽ gặt hái được yêu thương, thành công.

**Mẫu 14:** Con đường đến đích thành công phải trải qua nhiều khó khăn thử thách, nhưng để có thể vượt qua mọi khó khăn, chúng ta phải có sự đam mê và nỗ lực tự thân. Khi đọc được câu nói (trích dẫn câu nói), tôi cảm thấy điều đó thực sự ý nghĩa.

**Mẫu 15:** Nhân vật Paven trong “Thép đã tôi thế đấy” từng nói: “Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và hèn đớn của mình…”. Sống và làm sao cho sống đúng nghĩa của một con người trong kiếp nhân sinh là niềm trăn trở của mỗi người. Vì vậy, có ý kiến đã khuyên rằng (trích dẫn câu nói).

**Mẫu 16:** Cuộc sống của con người không phải lúc nào cũng bước đi trên con đường trải đầy hoa hồng. Nhưng nhờ có ý chí và nghị lực mà mỗi người luôn biết cách vượt qua khó khăn. Cũng giống như bài học mà câu nói (trích dẫn câu nói) muốn gửi gắm đến mỗi người.

**Mẫu 17:** Người xưa từng nói: “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”. Cuộc đời luôn sẵn bày những nghịch cảnh để thử thách con người. Không có con đường bằng phẳng nào dẫn ta thẳng đến thành công. Sự nỗ lực của bản thân chính là yếu tố quyết định thành bại trong cuộc đời. Bởi thế, mọi chuyện ở trên đời sẽ không có gì khó khăn nếu bạn luôn có (vấn đề cần nghị luận).